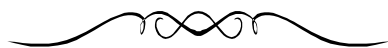


TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP HỒ CHÍ MINH
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TÀI LIỆU HỌC TẬP
Học Phần GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ
(HỆ TRUNG CẤP)

HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN:.....

LỚP :.....

LƯU HÀNH NỘI BỘ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 2020

MỤC LỤC

STT	Tên bài	Tổng số tiết của bài	TRANG
1	Bài mở đầu	1	3
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin	4	5
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	5	12
4	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	22
5	Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	30
6	Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	42
7	Kiểm tra	2	
	Tổng cộng	30	

BÀI MỞ ĐẦU

1. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔN HỌC

1.1. Vị trí

Trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội, *Chính trị* trước hết là bảo đảm vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản, hiệu lực quản lý của nhà nước, quyền làm chủ của nhân dân lao động trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Chính trị có vai trò to lớn. Chính trị đứng đầu giúp cho một giai cấp, mỗi con người thực hiện được mục tiêu của mình.

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

1.2. Tính chất môn học

Giáo dục chính trị là bộ phận của khoa học chính trị, của công tác tư tưởng, có nội dung chủ yếu là giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm xây dựng bản lĩnh chính trị, niềm tin và năng lực hoạt động thực tiễn cho mỗi người, đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước.

Môn học *Giáo dục chính trị* gắn bó chặt chẽ với đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, gắn với thực tiễn đất nước, gắn với sự tu dưỡng, rèn luyện của người học, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2. MỤC TIÊU CỦA MÔN HỌC

Sau khi học xong môn học, người học cần đạt được:

Về kiến thức: Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. NỘI DUNG CHÍNH

Môn học *Giáo dục chính trị* trình độ trung cấp có nội dung gồm: Khái quát về chủ nghĩa Mác-Lênin; Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh; Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng; Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam; Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

4. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

4.1. Phương pháp dạy học

Môn học *Giáo dục chính trị* lấy phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở dạy học; sử dụng các phương pháp dạy học tích cực. Người học chú trọng tự nghiên cứu tài liệu, kết hợp với thảo luận trên lớp, liên hệ với thực tiễn nghề nghiệp đào tạo; ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, tham khảo nhiều tài liệu của Đảng, Nhà nước để củng cố kiến thức.

Giáo dục chính trị là môn học gắn bó chặt chẽ với thực tiễn cuộc sống. Trong dạy và học cần liên hệ với thực tiễn hiện nay; gắn dạy lý thuyết với học ngoại khoá, tham quan bảo tàng, thực tiễn sản xuất, các doanh nghiệp; các di tích lịch sử, văn hoá cách mạng...

4.2. Đánh giá môn học

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định hiện hành do giáo viên trực tiếp giảng dạy phổ biến đến sinh viên.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Làm rõ vị trí và tính chất của môn *Giáo dục chính trị*?
2. Cần phải làm những gì để học tập tốt môn *Giáo dục chính trị*?

Bài 1

KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

1. Chủ nghĩa Mác – Lênin

1.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin và ba bộ phận cấu thành

- Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa Mác – Lênin là hệ thống các quan điểm và học thuyết khoa học do C. Mác và Ph. Ăngghen xây dựng, được V. I. Lênin bảo vệ và phát triển; hình thành và phát triển trên cơ sở tổng kết thực tiễn và kế thừa những giá trị tư tưởng của nhân loại; là thế giới quan, phương pháp luận chung nhất của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng; là khoa học về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động khỏi mọi chế độ áp bức, bóc lột tiến tới giải phóng con người.

- Ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin

Triết học Mác – Lênin là khoa học về những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác - Lênin đem lại cho con người thế giới quan khoa học và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức và cải tạo thế giới.

Kinh tế chính trị Mác – Lênin là khoa học nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, chỉ rõ bản chất bóc lột của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa; những quy luật kinh tế chủ yếu hình thành, phát triển và đưa chủ nghĩa tư bản tới chỗ diệt vong; những quy luật phát triển của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những quy luật chuyển biến từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội xã hội chủ nghĩa và phương hướng để giai cấp vô sản và nhân dân lao động thực hiện xây dựng xã hội mới.

Ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin có đối tượng nghiên cứu cụ thể khác nhau nhưng đều nằm trong hệ thống lý luận khoa học thống nhất - đó là khoa học cụ thể về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động khỏi chế độ áp bức, bóc lột, tiến tới giải phóng con người.

1.2. Nguồn gốc hình thành chủ nghĩa Mác

- *Về kinh tế - xã hội*: Sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa ở nhiều nước Tây Âu giữa thế kỷ XIX đã sản sinh ra một giai cấp mới, đó là giai cấp công nhân. Hàng loạt cuộc đấu tranh tự phát, quy mô lớn của công nhân thế giới chống lại giai cấp tư sản đã nổ ra nhưng đều thất bại. Trước yêu cầu đó, đòi hỏi phải có lý luận khoa học dẫn đường và chủ nghĩa Mác ra đời đáp ứng những đòi hỏi ấy.

- *Về tư tưởng lý luận*: Kết quả của sự kế thừa tinh hoa di sản lý luận của nhân loại, trong đó trực tiếp nhất là triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị học cổ điển ở Anh và chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán ở Pháp.

- *Về khoa học*: Những phát minh về khoa học tự nhiên vào thời kỳ này là cơ sở củng cố chủ nghĩa duy vật biện chứng – cơ sở phương pháp luận của học thuyết Mác.

- *Nhân tố chủ quan*: C. Mác, Ph. Ăngghen là những thiên tài trên nhiều lĩnh vực. Hai ông đã nghiên cứu kỹ xã hội tư bản, kế thừa, tiếp thu có chọn lọc và phát triển những tiền đề tư tưởng lý luận, khoa học, phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và sáng lập ra học thuyết mang tên mình.

2. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin

2.1. Triết học Mác – Lênin

Triết học Mác - Lênin là trường phái triết học duy vật biện chứng, ra đời vào những năm 40 của thế kỷ XIX. Trong Triết học Mác - Lênin, các quan điểm duy vật về tự nhiên, xã hội và tư duy, các nguyên lý, quy luật, phạm trù của chủ nghĩa duy vật biện chứng gắn bó hết sức chặt chẽ với nhau thành một hệ thống lý luận thống nhất với những nội dung cơ bản gồm:

2.1.1. Chủ nghĩa duy vật biện chứng:

+ Vật chất và ý thức, mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức

Định nghĩa vật chất của Lênin: Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của con người chép lại, chụp lại, phản ánh và nó tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác.

Phương thức tồn tại của vật chất là vận động (có 5 hình thức vận động), vật chất vận động trong không gian và thời gian.

Ý thức là sự phản ánh thế giới khách quan vào trong bộ não người một cách năng động, sáng tạo.

Giữa vật chất và ý thức có mối quan hệ biện chứng với nhau. Trong mối quan hệ này thì vật chất có trước, vật chất sinh ra và quyết định ý thức, song ý thức có thể tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người. Vì vậy, con người phải tôn trọng khách quan, đồng thời phát huy tính năng động chủ quan của mình.

+ Phép biện chứng duy vật:

Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến chỉ ra rằng: các sự vật, hiện tượng, các quá trình khác nhau vừa tồn tại độc lập, vừa quy định, tác động qua lại, chuyển hóa lẫn nhau.

Nguyên lý về sự phát triển chỉ ra rằng: phát triển là quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của sự vật, phát triển là khuynh hướng chung của thế giới, phát triển diễn ra theo hình xoáy ốc.

Những quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật bao gồm: quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập; quy luật chuyển hoá từ những biến đổi về lượng thành những sự biến đổi về chất và ngược lại; quy luật phủ định của phủ định

Lý luận nhận thức: Nhận thức là một quá trình phản ánh tích cực, tự giác và sáng tạo thế giới khách quan vào bộ óc con người trên cơ sở thực tiễn, nhằm sáng tạo ra những tri thức về thế giới khách quan.

2.1.2. Chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Chủ nghĩa duy vật lịch sử chỉ rõ cơ sở vật chất của đời sống xã hội và những quy luật cơ bản của quá trình vận động, phát triển của xã hội. Đó là các quy luật:

- *Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất*

Trong mỗi phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất gắn bó hữu cơ với nhau. Lực lượng sản xuất như thế nào về trình độ phát triển thì quan hệ sản xuất phù hợp như thế ấy. Khi trình độ lực lượng sản xuất phát triển, thay đổi thì quan hệ sản xuất cũng thay đổi theo. Đến mức độ nào đó, quan hệ sản xuất cũ không còn phù hợp nữa, nó sẽ mâu thuẫn và cản trở lực lượng sản xuất. Để tiếp tục phát triển, lực lượng sản xuất phải phá vỡ quan hệ sản xuất cũ, thiết lập quan hệ sản xuất mới, phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất.

- *Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.*

Quy luật này cho ta nhận thức, kinh tế quyết định chính trị, muốn hiểu các hiện tượng, quá trình xã hội phải xem xét cơ sở kinh tế nảy sinh các hiện tượng xã hội đó. Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế và có khả năng thúc đẩy, phát triển kinh tế.

Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng chỉ rõ vai trò của quần chúng nhân dân trong sự phát triển của lịch sử. Quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo lịch sử và là lực lượng quyết định sự phát triển của lịch sử, do đó lịch sử trước hết là lịch sử của quần chúng nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Quan niệm đó đã dẫn đến chỗ khẳng định vai trò lịch sử của giai cấp công nhân hiện đại trong cuộc đấu tranh giải phóng loài người, xây dựng xã hội mới - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

2.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

2.2.1. Học thuyết giá trị

❖ Hàng hóa

- Khái niệm: Hàng hóa là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán

- Hai thuộc tính của hàng hóa:

Giá trị sử dụng của hàng hóa là công dụng của vật phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu của con người.

Giá trị của hàng hóa là lao động xã hội cần thiết của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa.

❖ Quy luật giá trị

Quy luật giá trị là quy luật kinh tế căn bản của nền sản xuất hàng hoá. Ở đâu có sản xuất và trao đổi hàng hoá thì ở đó có sự tồn tại và phát huy tác dụng của quy luật giá trị. Sản xuất và trao đổi hàng hoá phải dựa trên cơ sở hao phí sức lao động xã hội cần thiết.

Ý nghĩa của học thuyết

Nghiên cứu học thuyết giá trị, hiểu rõ quy luật giá trị sẽ có kiến thức điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá; kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, tăng năng suất lao động, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Từ đó giúp cho chúng ta hiểu rõ nguyên nhân của sự phân hoá xã hội thành người giàu, người nghèo, tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội để có phương hướng, giải pháp khắc phục.

2.2.2. Học thuyết giá trị thặng dư

❖ Hàng hóa sức lao động

- Khái niệm: Sức lao động là năng lực lao động của con người. Nó bao gồm thể lực, trí lực, kỹ năng của người lao động và được sử dụng trong quá trình lao động.

- Hai điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa

Sức lao động chỉ trở thành hàng hoá khi người lao động tự do về thân thể, có quyền bán sức lao động của mình và khi họ không có tư liệu sản xuất.

- Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động

Giá trị hàng hóa sức lao động: được quyết định bởi lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra nó.

Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động nhằm thỏa mãn nhu cầu của người mua. Nó có khả năng tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó. Đó chính là giá trị thặng dư.

- *Giá trị thặng dư* là một bộ phận của giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không.

❖ Bản chất của chủ nghĩa tư bản

+ Học thuyết giá trị thặng dư đã vạch rõ bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa; chứng minh khoa học về cách thức bóc lột giai cấp công nhân của giai cấp tư sản và luận chứng những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản.

+ Dưới chủ nghĩa xã hội, nhất là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, học thuyết giá trị thặng dư vẫn có giá trị. Cần quan tâm ứng dụng khoa học-công nghệ hiện đại, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, không ngừng cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động... để tạo ra nhiều giá trị thặng dư, vừa để nâng cao thu nhập của mình, vừa mang lại lợi ích, xây dựng cơ sở vật chất nhiều hơn cho xã hội.

Ý nghĩa của học thuyết

- Học thuyết giá trị thặng dư đã bóc trần bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa; chứng minh khoa học về cách thức bóc lột của giai cấp tư sản và luận chứng những mâu

thuần nội tại của chủ nghĩa tư bản. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm xoá bỏ mọi chế độ áp bức bóc lột tư bản chủ nghĩa là tất yếu.

- Học thuyết giá trị thặng dư còn trang bị cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động công cụ nhận thức các quy luật kinh tế, thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, tạo ra nhiều hàng hoá... phục vụ cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa.

- Học thuyết giá trị thặng dư giúp cung cấp tri thức về lịch sử phát triển của sản xuất tư bản chủ nghĩa, là cơ sở khoa học để phân tích nguyên nhân và dự báo chiều hướng phát triển kinh tế và xã hội.

2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3.1. Lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

❖ Định nghĩa giai cấp công nhân

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại, với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất có tính chất xã hội hóa ngày càng cao; là lực lượng lao động cơ bản tiên tiến trong các quy trình công nghệ, dịch vụ công nghiệp, trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tái sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo các quan hệ xã hội; đại biểu cho lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất tiên tiến trong thời đại hiện nay.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, khoá X của Đảng đã định nghĩa về giai cấp công nhân Việt Nam như sau:

Giai cấp công nhân là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động tay chân và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình kinh doanh sản xuất và dịch vụ công nghiệp hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp.

❖ Đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân

- *Thứ nhất, về phương thức lao động*: Giai cấp công nhân là những tập đoàn người lao động, trực tiếp hay gián tiếp vận hành những công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại, có tính chất xã hội hoá cao.

- *Thứ hai, về địa vị của giai cấp công nhân trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa*: Trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, người công nhân không có tư liệu sản xuất, họ phải bán sức lao động cho nhà tư bản, trở thành người làm thuê và bị bóc lột giá trị thặng dư.

❖ Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là giai cấp tiên phong, lực lượng đi đầu trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công hình thái kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa và cuối cùng là cộng sản chủ nghĩa.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam: Là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2.3.2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng nhằm thay thế chế độ tư bản chủ nghĩa lỗi thời bằng chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong cuộc cách mạng đó, giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo và cùng với quần chúng nhân dân lao động xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa là khối đoàn kết, liên minh công nông, trí thức và các tầng lớp lao động khác do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực chính trị, chủ yếu là đảng cộng sản lãnh đạo giai cấp công nhân và các lực lượng nhân dân lao động đấu tranh lật đổ chính quyền tư sản, thiết lập quyền lực chính trị về tay mình, xây dựng kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa; hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Trên lĩnh vực kinh tế, nhiệm vụ trọng tâm là phát triển lực lượng sản xuất, tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội; xây dựng quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; xây dựng và phát huy quyền làm chủ của người lao động đối với tư liệu sản xuất; cải thiện đời sống nhân dân.

Trên lĩnh vực tư tưởng-văn hóa là tiến hành giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin trở thành hệ tư tưởng chủ đạo trong xã hội, xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa; xây dựng con người mới, xây dựng đạo đức, lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

3.1. Bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin

Chủ nghĩa Mác - Lênin gồm ba bộ phận Triết học, Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Mỗi bộ phận đóng vai trò khác nhau trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội con người. Chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết mang bản chất khoa học và cách mạng, có giá trị to lớn và bền vững.

Triết học Mác – Lênin, không chỉ là lý luận về phương pháp giải thích thế giới mà còn là lý luận về phương pháp biến đổi và cải tạo thế giới. Triết học Mác - Lênin là thế giới quan và phương pháp luận, là vũ khí lý luận sắc bén giúp giai cấp công nhân và nhân dân lao động đấu tranh xoá bỏ chế độ áp bức bóc lột, xây dựng thành công xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Kinh tế chính trị Mác - Lênin đóng vai trò là chìa khoá để nhận thức lịch sử phát triển của sản xuất vật chất nói chung, giải thích các hiện tượng, các quá trình kinh tế đang diễn ra trong thực tiễn, phân tích nguyên nhân, dự báo triển vọng, chiều hướng phát triển kinh tế xã hội, là cơ sở khoa học để nhận thức, đề ra và thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng.

Chủ nghĩa xã hội khoa học đóng vai trò phát hiện và luận giải về quá trình tất yếu dẫn đến sự hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, về vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về cách mạng xã hội chủ nghĩa, để thực hiện mục tiêu giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động khỏi ách áp bức bóc lột, giải phóng xã hội, tiến tới giải phóng con người. Theo Lênin chủ nghĩa xã hội khoa học theo nghĩa rộng là chủ nghĩa Mác - Lênin.

3.2. Chủ nghĩa Mác - Lênin tiếp tục là nền tảng tư tưởng của Đảng và cách mạng nước ta

Cho đến ngày nay, chủ nghĩa Mác – Lênin lan rộng toàn thế giới và trở thành học thuyết phổ biến trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc. Hàng trăm Đảng Cộng sản và công nhân ra đời ở nhiều nước đưa chủ nghĩa Mác – Lênin vào quần chúng, trở thành lực lượng vật chất to lớn cho các phong trào cách mạng. Chủ nghĩa Mác – Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của các Đảng Cộng sản trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, và phong trào giải phóng dân tộc.

Chủ nghĩa Mác – Lênin là hệ tư tưởng, là cơ sở lý luận của các Đảng Cộng sản trong việc hoạch định Cương lĩnh, đường lối lãnh đạo cách mạng; là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, là hệ tư tưởng chủ đạo trong các hoạt động tinh thần của xã hội, là định hướng chủ đạo trong tư duy mỗi người trong cuộc đấu tranh giành chính quyền và trong cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định, cùng với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm về chủ nghĩa Mác – Lênin và ba bộ phận cấu thành của nó?
2. Trình bày những nội dung cơ bản của triết học Mác – Lênin.
3. Nêu hai thuộc tính của hàng hóa và cho ví dụ minh họa.
4. Nêu những đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân và liên hệ với thực trạng đời sống của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?
5. Hãy nêu vai trò của chủ nghĩa Mác – Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống con người?

Bài 2

KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

Lần đầu tiên được sử dụng trong Văn kiện Đại hội lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam (1991) và ngày càng được xác định rõ hơn. Đại hội lần thứ XI của Đảng (2011) viết: *“Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”*¹.

1.2. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

- *Cơ sở khách quan*

+ *Nguồn gốc thực tiễn:* Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam từ năm 1858. Đến năm 1884, chúng thiết lập sự thống trị trên toàn cõi Việt Nam. Không cam chịu khổ nhục, các cuộc khởi nghĩa chống Pháp đã liên tục nổ ra nhưng đều bị đàn áp đẫm máu và cuối cùng đều thất bại. Cách mạng Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng. Phong trào cứu nước muốn thắng lợi phải đi theo một con đường cứu nước mới.

Khi đó, trên thế giới xuất hiện chủ nghĩa Lênin. V.I.Lênin đã bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác thành chủ nghĩa Mác- Lênin. V.I.Lênin đã lãnh đạo thắng lợi Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, và thành lập Quốc tế Cộng sản (3-1919), thúc đẩy sự truyền bá rộng rãi chủ nghĩa Mác-Lênin và ra đời hàng chục Đảng Cộng sản ở nhiều nước.

+ *Nguồn gốc lý luận:*

Tiếp thu truyền thống quý báu của dân tộc, quê hương và gia đình: Nguyễn Sinh Cung sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo, yêu nước tại xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Người sớm được học tại trường tiểu học Đông Ba, Quốc Học Huế, sớm suy ngẫm về sự thất bại của các phong trào yêu nước. Truyền thống tốt đẹp của dân tộc, quê hương và gia đình là nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tinh hoa văn hóa phương Đông và phương Tây: Khi còn nhỏ, Nguyễn Tất Thành đã sớm được cha dạy chữ Hán và Nho giáo. Qua phương Tây, Người đã tiếp

¹Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 88

thu được những tư tưởng của cách mạng Mỹ (1776), Đại cách mạng Pháp (1789), đạo đức của Thiên chúa giáo, chủ nghĩa Tam dân ở Trung quốc... Đây là một trong tiền đề hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là nguồn gốc tư tưởng, lý luận chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đi theo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh có bước chuyển về chất, có giá trị vượt trội hơn tất cả các trào lưu tư tưởng yêu nước Việt Nam trước đó. Chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận, là nguồn gốc quan trọng nhất quyết định bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh.

- *Nhân tố chủ quan:* Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về sự bền bỉ, không ngừng tích lũy tri thức, mẫu mực về đạo đức cách mạng, về phong cách lãnh đạo, làm việc, ứng xử,... Những phẩm chất cá nhân của Người là tiền đề, là nguồn gốc, là cơ sở quyết định nhất để tiếp nhận chủ nghĩa Mác-Lênin, các tư tưởng tiến bộ trên thế giới, hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.3. Quá trình hình thành

- *Thời kỳ niên thiếu đến khi ra nước ngoài (1890-1911)*

Hồ Chí Minh, khi sinh ra tên là Nguyễn Sinh Cung, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1890 tại làng Hoàng Trù, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Năm 1895, Người theo cha vào Huế, học tại trường tiểu học Đông Ba, trường Quốc học Huế với tên gọi là Nguyễn Tất Thành. Cuối năm 1910, Người dạy học ở trường Dục Thanh, Phan Thiết, sau đó vào Sài Gòn. Ngày 5 tháng 6 năm 1911, từ bến Nhà Rồng, Người lấy tên Văn Ba làm phụ bếp trên chuyên tàu buôn của Pháp ra nước ngoài.

- *Thời kỳ trải nghiệm cuộc sống và đến với chủ nghĩa Mác- Lênin (1911-1920)*

Năm 1911, Người đi qua nhiều nước và đến sống ở Mỹ (1912-1913), sống ở Anh (1914-1917) và về sống ở Pháp (1917-1923). Thời kỳ này trong tư tưởng của Người đã hình thành tình cảm thương yêu những người lao động nghèo khổ.

Vào cuối năm 1917, Người trở lại nước Pháp, hoạt động trong những người Việt Nam yêu nước ở Pari, Pháp. Tại Paris, tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc “*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*” của V.I.Lênin và tìm thấy ở đây con đường cách mạng vô sản. Từ đó, Người hoàn toàn tin theo V.I.Lênin, tán thành theo Quốc tế Cộng sản, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12-1920) và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

- *Thời kỳ hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc (1921-1930)*

Năm 1923, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô, dự các hội nghị do Quốc tế Cộng sản tổ chức. Cuối năm 1924, Người về Quảng Châu, Trung Quốc. Những năm 1925 - 1927, Người thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và trực tiếp huấn luyện cán bộ của Hội; xuất bản tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927). Đây là thời kỳ

hoạt động sôi nổi, hiệu quả của Nguyễn Ái Quốc trên cả phương diện lý luận và thực tiễn; chuẩn bị chu đáo về chính trị, tư tưởng và tổ chức, cán bộ cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đến đây tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt nam đã cơ bản hình thành.

- *Thời kỳ vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam (1930-1945)* . Người bị bắt và cầm tù trong nhà tù của thực dân Anh ở Hồng Kông (1931-1932). Sau khi thoát khỏi nhà tù của thực dân Anh, năm 1934, Người trở lại Liên Xô. Dù gặp một số khó khăn, Người vẫn kiên định lập trường, giữ vững quan điểm, đường lối cách mạng của Đảng về đấu tranh giành độc lập dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Ngày 28-1-1941, sau 30 năm xa Tổ quốc, Người trở về Pắc Bó, Cao Bằng. Tại đây, Hồ Chí Minh đã chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ Tám (5-1941), đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu và chuẩn bị mọi mặt để giành chính quyền, dẫn đến thắng lợi của cách mạng Tháng Tám năm 1945. Ngày 2/9/1945, Bác đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- *Thời kỳ phát triển hoàn thiện tư tưởng về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam (1945-1969)*. Đây là thời kỳ tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng cơ bản là thống nhất. Thời kỳ 1945-1954, Người đã đưa đất vượt ra khỏi tình trạng ví như “ngàn cân treo sợi tóc” và là linh hồn đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đi đến thắng lợi. Từ năm 1954 đến năm 1969, Hồ Chí Minh bổ sung phát triển hoàn thiện tư tưởng đồng thời tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiếp tục cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam.

Hồ Chí Minh qua đời (2-9-1969). Người để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta bản *Di chúc* lịch sử, khẳng định sự tất thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hoạch định cả một chương trình lớn xây dựng và phát triển đất nước sau chiến tranh.

2. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Đại hội đại biểu lần thứ IX của Đảng (4-2001) khẳng định, tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 9 nội dung cơ bản sau: “*Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hoá, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong*

sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”².

Trong chương trình này chỉ khái quát một số nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung cốt lõi xuyên suốt toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh, được thống nhất trong cả lý luận và hoạt động thực tiễn, phản ánh chính xác mục đích, lý tưởng, khát vọng của Người.

Độc lập dân tộc, theo tư tưởng Hồ Chí Minh là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa. Hồ Chí Minh nêu một chân lý có giá trị cho mọi thời đại: “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”³. Độc lập dân tộc phải là một nền độc lập thật sự, hoàn toàn, gắn với hòa bình, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Độc lập phải triệt để toàn diện và bền vững. Muốn thế độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội, theo tư tưởng Hồ Chí Minh là chế độ do nhân dân làm chủ, chế độ có nền kinh tế phát triển cao, con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột và bất công; các dân tộc chung sống trong hòa bình....

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc là mục tiêu trước hết, là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội còn chủ nghĩa xã hội là con đường bảo vệ và phát triển thành quả của độc lập dân tộc.

- Qua thực tiễn hoạt động, Hồ Chí Minh nhận thấy quan hệ khăng khít của cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Người xác định tư tưởng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là để tạo ra sức mạnh vô tận.

Theo Hồ Chí Minh, sức mạnh dân tộc là sự tổng hợp của các yếu tố vật chất và tinh thần, song trước hết là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và ý thức tự lực tự cường dân tộc; sức mạnh của tinh thần đoàn kết; của ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập tự do...Sức mạnh thời đại đó là sức mạnh của các trào lưu cách mạng trên thế giới và sức mạnh của cách mạng khoa học và công nghệ.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là cơ sở và điều kiện quan trọng để Việt Nam có thể giành độc lập dân tộc và đi lên Chủ nghĩa xã hội.

2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

Để thay thế chế độ thực dân phong kiến tàn bạo, phản nhân tính, Hồ Chí Minh đã lựa chọn ra một kiểu nhà nước mới cho Việt Nam, đó là Nhà nước dân chủ cộng

² Đảng CSVN: Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Nxb. CTQG, HN. 2001, tr.83,84

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr.108.

hòa, một nhà nước đại biểu quyền lợi “cho số đông người”, thể hiện tính chất nhân dân, một nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Theo Hồ Chí Minh, Nhà nước của dân là tất cả mọi quyền lực trong Nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Nhà nước do dân là Nhà nước do dân tạo ra, do dân ủng hộ và nhân dân tham gia quản lý. Nhà nước vì dân là Nhà nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu. Tất cả hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, ngoài ra, không có lợi ích nào khác.

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm được việc thực thi quyền lực của nhân dân. Người yêu cầu tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, đề cao vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên.

2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

Theo Hồ Chí Minh đoàn kết có tầm quan trọng đặc biệt, đoàn kết toàn dân mới phát huy cao nhất sức mạnh “*Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi*”⁴; “*Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công*”⁵; “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công*”⁶... Lực lượng đại đoàn kết dân tộc bao gồm tất cả những người yêu nước, không phân biệt tầng lớp, thành phần dân tộc, tín ngưỡng, chính kiến.... Đoàn kết phải lâu dài, vì mục đích chung là tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ.... Điều kiện để đoàn kết toàn dân tộc là phải có niềm tin vào nhân dân, đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung. Đoàn kết toàn dân tộc phải được quán triệt trong mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, phải được thực hiện thông qua Mặt trận dân tộc thống nhất; đoàn kết trong Đảng là hạt nhân để đoàn kết mọi người trong toàn xã hội.

2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Theo Hồ Chí Minh, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội phải phát triển kinh tế. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phải tạo lập trên cơ sở chế công hữu về tư liệu sản xuất. Nền kinh tế đó sẽ còn tồn tại bốn hình thức sở hữu chính là: sở hữu nhà nước, sở hữu hợp tác xã, sở hữu của người lao động riêng lẻ và sở hữu của nhà tư bản. Muốn có chủ nghĩa xã hội thì không có cách nào khác là phải bóc lột lực lượng của mọi người ra để sản xuất. Nhưng sản xuất cần gắn với phân phối công bằng hợp lý.

⁴Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.22

⁵Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.154

⁶Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr. 607

Muốn thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu và yếu hèn, phải phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, văn hóa là động lực của sự phát triển kinh tế, xã hội. Phát triển kinh tế, diệt giặc đói, đồng thời phải diệt giặc dốt, vì “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”. Chủ nghĩa xã hội là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Hồ Chí Minh coi con người là vốn quý nhất, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng. Muốn thực hiện chiến lược “trồng người”, cần có nhiều biện pháp, nhưng giáo dục, đào tạo là biện pháp quan trọng bậc nhất. Nội dung và phương pháp giáo dục phải toàn diện, cả đức, trí, thể, mỹ; phải đặt đạo đức, lý tưởng và tình cảm cách mạng, lối sống xã hội chủ nghĩa lên hàng đầu.

2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng

- Hồ Chí Minh cho rằng, đạo đức có vai trò rất quan trọng. Đạo đức là gốc, là nền tảng của con người, của xã hội giống như gốc của cây, nguồn của sông suối. Có đạo đức cách mạng mới làm được những việc cao cả, vẻ vang. Đạo đức cùng với tài năng của mỗi người đều quan trọng, nhưng đạo đức giữ vai trò là cái gốc của người cách mạng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó, nhưng có tài mà không có đức là người vô dụng.

- Về chuẩn mực đạo đức cách mạng:

+ *Trung với nước, hiếu với dân*: Trung với nước là suốt đời đấu tranh cho cách mạng, ra sức làm việc, giữ vững kỉ luật thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, trung thành với con đường đi lên của đất nước. Hiếu với dân thể hiện ở chỗ thương dân, tin dân, phục vụ nhân dân hết lòng.

+ *Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*: Cần: tức là lao động cần cù, siêng năng, có kế hoạch, có tinh thần lao động sáng tạo, giữ kỷ luật, năng suất cao, có trách nhiệm và luôn tự lực cánh sinh; Kiệm: tức là tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng, tiết kiệm sức lao động, thời gian, tiền của dân, của nước, của tập thể, của mình. Tiết kiệm là chi tiêu hợp lý; Liêm: tức là luôn luôn tôn trọng và bảo vệ của công và của dân, không xâm phạm đồng xu, hạt thóc của nước, của dân trong mọi hoàn cảnh; Chính: tức là thẳng thắn, đứng đắn, quang minh chính đại. Chính là cái tâm thẳng thắn đối với người, với việc, không tự cao, tự đại, luôn thật thà, tự kiểm điểm mình; Chí công vô tư là luôn công bằng, công tâm, không thiên tư thiên vị, nêu cao chủ nghĩa tập thể, trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân

+ *Yêu thương con người*: là phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất, vì người cách mạng có yêu thương nhân dân mới sẵn sàng làm cách mạng. Tình yêu thương đó là một tình cảm rộng lớn, trước hết dành cho những người nghèo khổ, những người bị áp bức, bị bóc lột không phân biệt màu da sắc tộc.

+ *Tinh thần quốc tế trong sáng*: Phẩm chất này bắt nguồn từ bản chất của giai cấp công nhân, nhằm vào mối quan hệ rộng lớn vượt ra khỏi quốc gia dân tộc. Chủ nghĩa quốc tế đó là sự tôn trọng, hiểu biết, yêu thương và đoàn kết với giai cấp vô sản, với tất cả các dân tộc và nhân dân toàn thế giới, với những người tiến bộ, yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra những nguyên tắc cơ bản để rèn luyện đạo đức của mỗi người đó là: Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức; Xây đi đôi với chống; Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời.

2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm, chăm lo đến việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau - Thế hệ trẻ. Người luôn coi trọng và đánh giá cao vai trò của thanh niên đối với vận mệnh đất nước, thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên: “tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”. Người yêu cầu Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các thế hệ đi trước phải quán triệt sâu sắc về vai trò và tầm quan trọng của công tác giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ thành người cán bộ vừa hồng vừa chuyên, đồng thời, Người cũng chỉ ra nhiệm vụ của thế hệ trẻ là noi gương những người đi trước, tự mình phấn đấu học tập và rèn luyện để có tri thức, có ý chí, nghị lực và tinh thần cách mạng.

3. VAI TRÒ CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta. Tư tưởng của Người đang được hiện thực hóa trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ có giá trị đối với cách mạng Việt Nam mà còn phản ánh khát vọng thời đại là giải phóng dân tộc thuộc địa, là hòa bình, hợp tác, hữu nghị giữa các dân tộc. Tư tưởng và cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú của Người là tấm gương sáng cổ vũ các dân tộc trên thế giới tham gia cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, hòa bình và tiến bộ xã hội.

4. HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

a) Nội dung đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

- *Nội dung đạo đức Hồ Chí Minh:* Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực về thực hành đạo đức, thống nhất tư tưởng đạo đức và hành vi đạo đức, nói đi đôi với làm, cụ thể ở các nội dung sau:

Suốt đời vì dân, vì nước “trung với nước, hiếu với dân.

Ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn để đạt được mục đích.

Hết lòng thương yêu, quý trọng, phục vụ nhân dân.

Nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu, luôn hết mực vì con người.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và hết sức khiêm tốn.

- Nội dung phong cách Hồ Chí Minh

Phong cách Hồ Chí Minh được thể hiện trong mọi lĩnh vực sống và hoạt động của Người, tạo thành một chỉnh thể nhất quán, có giá trị khoa học, đạo đức và thẩm mỹ. Phong cách Hồ Chí Minh gồm những điểm nổi bật sau đây:

- Về phong cách tư duy, bao gồm phong cách tư duy khoa học, cách mạng và hiện đại; phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo; phong cách tư duy hài hoà, uyển chuyển, có lý có tình.

- Về phong cách làm việc, bao gồm phong cách làm việc khoa học; phong cách làm việc có kế hoạch; phong cách làm việc đúng giờ; phong cách đổi mới, sáng tạo, không chấp nhận lối cũ, đường mòn.

- Về phong cách lãnh đạo, thể hiện qua việc tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; đi đúng đường lối quần chúng, lắng nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân, của những người “không quan trọng”.

- Về phong cách diễn đạt, được thể hiện qua cách nói, cách viết giản dị, cụ thể, thiết thực; diễn đạt ngắn gọn, cô đọng, hàm súc, trong sáng và sinh động, có lượng thông tin cao.

- Về phong cách ứng xử, được thể hiện qua việc khiêm tốn, nhã nhặn, lịch thiệp; chân tình, nồng hậu, tự nhiên; linh hoạt, chủ động, biến hoá; vui vẻ hoà nhã, xoá nhoà mọi khoảng cách. . .

- Về phong cách sinh hoạt, bao gồm phong cách sống cần kiệm, liêm chính; phong cách sống hài hoà, nhuần nhuyễn giữa văn hoá Đông – Tây, nhưng luôn giữ

vững, yêu quý và tự hào về văn hoá Việt Nam; tôn trọng quy luật tự nhiên, gắn bó với thiên nhiên

b) Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

- Xuất phát từ vai trò to lớn và quan trọng của đạo đức
- Hồ Chí Minh là tấm gương đạo đức mẫu mực, sáng người, tiêu biểu nhất cho truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam
- Thực trạng đạo đức hiện nay đòi hỏi “nhân cái đẹp, dẹp cái xấu”
- Thực hiện quan điểm của Đảng, đặc biệt là chỉ thị 05 của Bộ chính trị về việc “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”

4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

a) Nắm vững nội dung cơ bản, hệ thống tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Đó là nắm vững hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đó là nắm vững nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh như đã nêu ở phần trên.

Nắm nội dung cốt lõi về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: Trung với nước, trung với Đảng, hiếu với dân; thương yêu nhân dân, thương yêu con người, Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và có tinh thần quốc tế trong sáng.

Học tập phong cách tư duy; phong cách làm việc; phong cách ứng xử; phong cách nói đi đôi với làm; nói và viết ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm; phong cách sống thanh cao, trong sạch, giản dị; phong cách quần chúng, dân chủ, tự mình nêu gương,...v.v.

b) Phương pháp học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào chương trình, kế hoạch hành động thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật nhà nước và nội dung sinh hoạt thường xuyên của các tổ chức, gắn với các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước.

Gắn với việc xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam, xây dựng hệ giá trị văn hoá và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Lấy kết quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một trong những tiêu chuẩn đánh giá, bình xét, phân loại cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng và mỗi người hàng năm.

Xây dựng, tổng kết và nhân rộng những điển hình tiên tiến về làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh. Đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Đối với học sinh cần phấn đấu và rèn luyện theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; bồi dưỡng tư tưởng, phẩm chất chính trị; không ngừng phát huy tinh thần yêu nước, tự hào về truyền thống bất khuất của dân tộc; trung thành vô hạn với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; bảo vệ Đảng, chế độ; bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết; phải tôn trọng pháp luật; có ý thức tổ chức và kỷ luật trong học tập, lao động và cuộc sống.

Không ngừng rèn luyện đức tính hiếu với dân, tận tụy với công việc; thật thà, chính trực, cần, kiệm, liêm, chính, biết quý trọng lao động, quý trọng thời gian và tài sản của tập thể, của mọi người, chống lãng phí, xa hoa; có trách nhiệm đối với học tập, công việc và cuộc sống; có tính tự giác tu dưỡng rèn luyện đạo đức.

Rèn luyện phong cách, lối sống khiêm tốn, giản dị; chống kiêu căng, tự mãn; kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tự do, lười biếng; thói hám danh, hám lợi... Tích cực tham gia những hoạt động có ý nghĩa cho bản thân và có ích cho cộng đồng, xã hội. Cần biết kết hợp học lý thuyết với thực hành, học tập, lao động với tinh thần sáng tạo, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao. Không ngừng nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, khoa học, kỹ thuật và quân sự; biết học tập và nhân rộng điển hình tiên tiến của cộng đồng trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1. Trình bày nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh?*
- 2. Hãy nêu nội dung cơ bản tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh?*
- 3. Trình bày sự cần thiết phải học tập và làm theo phong cách Hồ Chí Minh?*

Bài 3

NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. SỰ RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

a) Bối cảnh lịch sử trong nước và quốc tế cho sự ra đời của Đảng

Bối cảnh quốc tế

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX tình hình thế giới có những chuyển biến sâu sắc. Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, tranh đua đi xâm lược thuộc địa. Mâu thuẫn giữa các đế quốc với nhau đã dẫn đến chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), để lại cho nhân dân thế giới những hậu quả rất nặng nề.

Đầu thế kỷ XX, V.I.Lênin đã bảo vệ và phát triển học thuyết Mác, lãnh đạo thắng lợi Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Mười đã cổ vũ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới.

Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản ra đời, trở thành trung tâm lãnh đạo phong trào cộng sản, công nhân quốc tế thúc đẩy sự ra đời hàng chục đảng cộng sản ở nhiều nước trên thế giới.

Ở châu Á, cuộc cách mạng Tân Hợi (1910-1911) ở Trung Quốc, công cuộc canh tân đất nước của Nhật Bản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã có tác động đến nhiều nước, thu hút sự quan tâm của nhiều người yêu nước Việt Nam.

Bối cảnh trong nước

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng ký Hiệp ước Patenôt (1884), chấp nhận sự thống trị của thực dân Pháp ở toàn cõi Việt Nam.

Dưới sự thống trị của thực dân Pháp, tính chất xã hội Việt Nam từ xã hội phong kiến trở thành xã hội thuộc địa, nửa phong kiến. Trong xã hội Việt Nam nổi lên hai mâu thuẫn cơ bản. Mâu thuẫn cơ bản đồng thời là mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp. Mâu thuẫn cơ bản thứ hai, giữa nhân dân Việt Nam, đa số là nông dân với địa chủ phong kiến.

Ở khắp mọi nơi, các giai cấp, tầng lớp trong xã hội đều đứng lên đấu tranh với mục tiêu đánh đuổi thực dân Pháp và xây dựng lại đất nước theo quan điểm lập trường của giai cấp mình:

+ *Phong trào Cần Vương (1885- 1897)*: Đứng trên lập trường của giai cấp địa chủ phong kiến, do Tôn Thất Thuyết lãnh đạo

+ *Phong trào nông dân Yên Thế (1884- 1913)*: Khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo

+ *Phong trào đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản*: Phong trào Đông Du do Phan Bội Châu, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục do Lương Văn Can lãnh đạo,

phong trào Duy Tân của Phan Chu Trinh lãnh đạo, phong trào của Việt Nam Quốc dân Đảng (12/1927).

Nhìn chung, phong trào yêu nước Việt Nam chống Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã nêu cao khí phách của toàn dân tộc nhưng đều thất bại. Nguyên nhân dẫn đến thất bại vì chưa có đường lối chính trị đúng đắn, lực lượng lãnh đạo tiên bộ chưa phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc... Cách mạng Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng.

b. Quá trình ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam

Thấu hiểu nỗi khổ nhục của người dân mất nước, năm 1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Người đi về phương Tây với mục tiêu: “Muốn đánh thắng kẻ thù phải hiểu rõ kẻ thù”.

Sau khi rời Tổ quốc, Nguyễn Tất Thành qua Pháp, nhiều nước châu Phi và đến sống ở Mỹ (1912-1913), ở Anh (1914-1917). Tháng 7-1917, Người từ Anh trở về Pari (Pháp) tham gia các hoạt động chính trị- xã hội và bắt đầu chú ý về nước Nga Xô viết.

Tháng 7/1920, Người đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa” của Lênin. Người đã tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam là con đường *Cách mạng vô sản*. Từ đây, Người tích cực chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 6/1925, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được thành lập để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin tạo sự chuyển biến về chất trong phong trào cách mạng Việt Nam, dẫn đến sự ra đời của ba tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng (6/1929), An Nam Cộng sản Đảng (8/1929), Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (9/1929).

Tuy nhiên, ở một nước có tới ba tổ chức cộng sản nên không tránh khỏi hoạt động phân tán về lực lượng và tổ chức, có nguy cơ chia rẽ, ảnh hưởng xấu đến phong trào cách mạng Việt Nam lúc này. Trước tình hình đó, đầu năm 1930 Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị hợp nhất ba tổ chức trên để đi đến thành lập Đảng cộng

sản Việt Nam từ ngày 6-1 đến ngày 7-2-1930, tại bán đảo Cửu Long, Hương Cảng (Trung Quốc).

c. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp của 3 nhân tố: Chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân, phong trào yêu nước.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp của công nhân Việt Nam theo hệ tư tưởng Mác –Lênin đối với cách mạng Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước; từ đây cách mạng Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

Đảng Cộng sản Việt Nam – Người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là nhân tố quyết định hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện ở từng giai đoạn cách mạng cụ thể:

a) Vai trò lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

- Đảng có đường lối cách mạng đúng đắn. Sự phát triển đường lối cách mạng của Đảng với các chủ trương trong quá trình lãnh đạo ở giai đoạn này là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

- Đảng đã kiên trì chuẩn bị chu đáo về lực lượng cách mạng; xây dựng khối đoàn kết liên minh giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân yêu nước khác trong Mặt Việt Minh.

- Cách mạng Tháng Tám thành công là do Đảng có phương pháp cách mạng đúng đắn, dự báo đúng, bám sát tình hình, chỉ đạo kiên quyết, khôn khéo, công tác tuyên truyền vận động quần chúng linh hoạt, bằng nhiều hình thức phong phú để vận động hàng chục triệu quần chúng cả nước quyết tâm đấu tranh giải phóng dân tộc.

b) Vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc chống Pháp xâm lược (1945-1954)

- Đảng có đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp đúng đắn, sáng tạo, đó chính là đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện lâu dài, dựa và sức mình là chính; đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hoà bình.

- Đảng có công tác tư tưởng đúng đắn, động viên quân dân cả nước, phát huy chính nghĩa, tinh thần đoàn kết trong mặt trận Liên Việt vì “Tổ Quốc trên hết”, vượt qua mọi gian khổ, hy sinh, quyết tâm vì độc lập tự do đưa kháng chiến đến thắng lợi.

- Đảng có công tác tổ chức tài giỏi, lãnh đạo chính quyền dân chủ nhân dân là công cụ sắc bén vừa tổ chức kháng chiến, từng bước phát triển kinh tế, văn hóa kháng chiến, xây dựng chế độ mới.

c) Vai trò lãnh đạo Đảng trong cuộc chống Mỹ, thống nhất đất nước (1954-1975)

- Đảng có đường lối chính trị, quân sự và phương pháp cách mạng độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo, tổng hợp, dẫn dắt cuộc kháng chiến của toàn dân tộc đi đến thắng lợi hoàn toàn. Đó là đường lối đồng thời đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam.

- Đảng có công tác tư tưởng đúng đắn, đã động viên quân dân cả nước ta tin tưởng vào chính nghĩa vượt qua mọi gian khổ hy sinh, cả nước ra trận.

- Đảng đã phát huy sức mạnh đoàn kết chiến đấu ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia; sự ủng hộ hết lòng và sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa; sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ.

d) Vai trò lãnh đạo của Đảng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975- 1986)

Sau chiến tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đất nước ta gặp muôn vàn khó khăn, Đảng đã lãnh đạo nhân dân vừa ra sức khôi phục kinh tế vừa phải tiến hành hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam và phía Bắc Tổ quốc; đồng thời tập trung lãnh đạo xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

e) Vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới (1986- nay)

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12-1986) đã tổng kết 10 năm trước đổi mới, là Đại hội kế thừa và quyết tâm đổi mới, đoàn kết tiến lên của Đảng, đánh dấu sự trưởng thành về lý luận và thực tiễn của Đảng.

Trải qua các kỳ Đại hội Đảng từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12-1986) đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (1-2016) Đảng ta đã đề ra các đường lối về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường, đường lối về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đường lối về xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đường lối về bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, đường lối xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, đường lối xây dựng Nhà nước pháp quyền

xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đường lối xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh...

Những thành tựu trong công cuộc đổi mới khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử.

2. NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

a) Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ, lật đổ chế độ quân chủ và ách thống trị của phát xít Nhật, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịch sử dân tộc Việt Nam, đưa dân tộc ta bước vào một kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độc lập, tự do. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, Đảng và nhân dân ta đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, cung cấp thêm nhiều kinh nghiệm quý báu cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và giành quyền dân chủ. Cách mạng tháng Tám thắng lợi đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân giành độc lập, tự do.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam. Chẳng những nhân dân Việt Nam có thể tự hào, mà các dân tộc bị áp bức trên thế giới cũng có thể tự hào rằng, đây là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc.

b) Thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế

❖ Thắng lợi của cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 – 1946)

Ngay khi vừa mới ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã phải đối mặt với ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm, vận mệnh của đất nước trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã kịp thời đề ra những chủ trương và quyết sách đúng đắn, toàn diện trên tất cả các mặt đã động viên được sức mạnh đoàn kết toàn dân, triệu người như một, vượt qua muôn vàn khó khăn, nguy

hiểm để củng cố, giữ vững chính quyền, đưa cách mạng vượt qua tình thế hiểm nghèo, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

❖ *Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946- 1954)*

Khi thực dân Pháp lần tới có dã tâm cướp nước ta một lần nữa, với đường lối *kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc*, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đánh dấu bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã buộc thực dân Pháp và các nước phải công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các nước Đông Dương; làm thất bại âm mưu mở rộng và kéo dài chiến tranh của đế quốc Mỹ, kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương; giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện để miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội; tăng thêm niềm tự hào dân tộc cho nhân dân ta và nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

❖ *Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*

Trong những năm 1954- 1975, đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Giơnevơ, đưa cố vấn quân sự rồi quân viễn chinh xâm lược miền Nam, đánh phá miền Bắc thì cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới với đặc điểm là đất nước tạm thời chia làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau.

Đảng xác định con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam là tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Trải qua 21 năm chiến đấu kiên cường, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ hy sinh, được sự đồng tình ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới, đã lần lượt đánh thắng các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân ở miền Bắc. Bằng cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 với thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã đập tan cuộc phản kích lớn nhất của chủ nghĩa đế quốc vào chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, mở ra sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa

thực dân mới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ, tự do và hòa bình phát triển của nhân dân thế giới.

Thắng lợi của quân và dân ta trong chiến đấu bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và phía Bắc Tổ quốc là một thắng lợi quan trọng của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và tiếp tục tăng cường tình hữu nghị và hợp tác giữa các nước và góp phần củng cố hoà bình, ổn định ở Đông Nam Á và trên thế giới.

2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Qua hơn 30 năm đổi mới, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

+ Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

+ Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển.

+ Chính trị-xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường.

+ Văn hóa-xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi.

+ Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường.

+ Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh.

+ Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

90 năm qua, kể từ khi có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi to lớn, nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta đã ra khỏi nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và thế giới.

Tuy nhiên, khó khăn, thách thức còn nhiều. Trong lãnh đạo, Đảng có lúc cũng phạm sai lầm, khuyết điểm, nhưng vấn đề căn bản là Đảng đã nghiêm túc tự phê bình, sửa chữa, tự đổi mới, chỉnh đốn để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày hoàn cảnh lịch sử sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?
2. Phân tích vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng Việt Nam.
3. Làm rõ công lao của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam?
4. Phân tích ý nghĩa một trong những thắng lợi to lớn của Cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo?

Bài 4

PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

1. NỘI DUNG CỦA CHỦ TRƯỞNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1.1. Chủ trương phát triển kinh tế, xã hội

a) Quan điểm phát triển kinh tế-xã hội

Một là, phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững.

Hai là, đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Ba là, mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển.

Bốn là, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học, công nghệ ngày càng cao; đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Năm là, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

b) Những định hướng lớn phát triển kinh tế, xã hội

Một là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức tổ chức kinh doanh và phân phối.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh

Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển. Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; các nguồn lực được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

Hai là, phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi

trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới.

Bảo đảm phát triển hài hoà giữa các vùng, miền; thúc đẩy phát triển nhanh các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng có nhiều khó khăn. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Ba là, chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách.

Bốn là, tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và thu nhập tốt hơn. Có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ tạo động lực để phát triển; điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội...

1.2. Chủ trương phát triển văn hóa, con người

a) Quan điểm phát triển văn hóa, con người

Một là, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.

Hai là, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Ba là, phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

Bốn là, xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.

Năm là, xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

b) Định hướng lớn phát triển văn hóa, con người

Một là, xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ.

Hai là, con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân. Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, gia đình, nhà trường, từng tập thể lao động, các đoàn thể và cộng đồng dân cư trong việc chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khoẻ, lao động giỏi; sống có văn hoá, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính.

Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách.

Ba là, giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam.

Bốn là, khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Năm là, bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân.

Sáu là, chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

a) Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

- Định hướng đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

Mô hình tăng trưởng kinh tế kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh;

giải quyết hài hòa giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài, giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Đổi mới mô hình tăng trưởng chuyển mạnh từ chủ yếu dựa vào xuất khẩu và vốn đầu tư sang phát triển đồng thời dựa cả vào vốn đầu tư, xuất khẩu và thị trường trong nước.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học-công nghệ và đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy nghiên cứu và triển khai, nhập khẩu công nghệ mới.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại đồng bộ, tổng thể nền kinh tế và các ngành, các lĩnh vực, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược, nhất là đột phá về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

Lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu phát triển kinh tế; huy động và phân bổ có hiệu quả mọi nguồn lực phát triển. Tiến hành các bước từ tạo tiền đề, tạo điều kiện đến đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

+ Phát triển công nghiệp

Tiếp tục xây dựng, phát triển các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, tăng hàm lượng khoa học-công nghệ và tỉ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm.

Phát triển có chọn lọc một số ngành công nghiệp chế tạo, chế biến, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghiệp năng lượng, cơ khí, điện tử, hóa chất, công nghiệp xây dựng, xây lắp, công nghiệp quốc phòng, an ninh.

Chú trọng phát triển các ngành có lợi thế cạnh tranh; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và sản xuất vật liệu mới; từng bước phát triển công nghệ sinh học, công nghiệp môi trường và công nghiệp văn hóa.

+ Phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới

Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; nâng cao giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu.

Đẩy nhanh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp sinh thái phát triển toàn diện cả về nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, thúc đẩy ứng dụng sâu rộng khoa học-công nghệ

Có chính sách phù hợp để tích tụ, tập trung ruộng đất, thu hút mạnh các nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp; từng bước hình thành các tổ hợp nông nghiệp-công nghiệp-dịch vụ công nghệ cao.

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và quá trình đô thị hóa một cách hợp lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội.

Phát huy vai trò chủ thể của hộ nông dân và kinh tế hộ; doanh nghiệp trong nông nghiệp, đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước; phát triển hợp tác xã kiểu mới, các hình thức hợp tác, liên kết; hình thành các vùng nguyên liệu gắn với chế biến và tiêu thụ.

+ Phát triển khu vực dịch vụ

Đẩy mạnh phát triển khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn các khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng trưởng của cả nền kinh tế.

Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao như: du lịch, hàng hải, dịch vụ kỹ thuật dầu khí, hàng không, viễn thông, công nghệ thông tin.

Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ có giá trị gia tăng cao như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, logistics và các dịch vụ hỗ trợ khác.

+ Phát triển kinh tế biển

Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp dầu khí, đánh bắt xa bờ và hậu cần nghề cá, kinh tế hàng hải (kinh doanh dịch vụ cảng biển, đóng và sửa chữa tàu, vận tải biển), du lịch biển, đảo.

Thu hút mạnh mọi nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế biển và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác tài nguyên biển, đảo một cách bền vững. Tập trung đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động các khu kinh tế ven biển.

+ Phát triển kinh tế vùng, liên vùng

Thống nhất quản lý, phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đồng thời ưu tiên phát triển các vùng kinh tế động lực, tạo sức lôi cuốn, lan tỏa phát triển đến các địa phương trong vùng và đến các vùng khác. Có chính sách hỗ trợ phát triển các vùng còn nhiều khó khăn.

+ *Phát triển đô thị*

Đổi mới cơ chế, chính sách, kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch. Từng bước hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường.

Chú trọng phát huy vai trò, giá trị của các đô thị động lực phát triển kinh tế cấp quốc gia và cấp vùng, đô thị di sản, đô thị sinh thái, đô thị du lịch, đô thị khoa học.

+ *Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội*

Xây dựng hạ tầng giao thông đồng bộ, có trọng điểm, kết nối giữa các trung tâm kinh tế lớn và giữa các trục giao thông đầu mối.

Xây dựng hạ tầng ngành điện bảo đảm cung cấp đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội.

Xây dựng hạ tầng thủy lợi đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; hạ tầng đô thị lớn hiện đại, đồng bộ, từng bước đáp ứng chuẩn mực đô thị xanh của một nước công nghiệp.

b) Hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- *Tiếp tục thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật.

Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế, xã hội.

- *Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp*

Thể chế hóa quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt và hưởng lợi từ sử dụng tài sản của Nhà nước, tổ chức và cá nhân. Bảo đảm công khai, minh bạch về nghĩa vụ và trách nhiệm trong thủ tục hành chính nhà nước và dịch vụ công để quyền tài sản được giao dịch thông suốt.

Mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều phải hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật.

Bảo đảm quyền tự do kinh doanh các lĩnh vực mà luật pháp không cấm. Hoàn thiện thể chế bảo vệ nhà đầu tư, quyền sở hữu và quyền tài sản.

Đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.

Kiểm toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp nhà nước phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp, các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh với sở hữu hỗn hợp, nhất là các doanh nghiệp cổ phần. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển mạnh kinh tế tư nhân phát triển ở các ngành và lĩnh vực kinh tế.

Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp.

Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, chú trọng chuyển giao công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- *Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường*

Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường; bảo đảm tính đúng, tính đủ và công khai, minh bạch các yếu tố hình thành giá đối với hàng hoá, dịch vụ công thiết yếu; có chính sách hỗ trợ phù hợp cho đối tượng chính sách, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số.

Tiếp tục phát triển đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường. Thực hiện đa dạng hóa thị trường hàng hóa, dịch vụ theo hướng hiện đại, chú trọng hình thành khung pháp lý, phát triển hệ thống phân phối thông suốt và hiệu quả.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để phát triển mạnh mẽ các thị trường: thị trường tài chính, để thị trường bất động sản, thị trường khoa học-công nghệ...

- *Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế*

Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác cụ thể; kết hợp hiệu

quả ngoại lực và nội lực, gắn hội nhập kinh tế quốc tế với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm thực thi có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết.

- *Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, năng lực và hiệu lực quản lý của nhà nước, vai trò làm chủ của nhân dân đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Nâng cao năng lực hoạch định đường lối phát triển kinh tế-xã hội của Đảng; tăng cường lãnh đạo thể chế hoá và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về kinh tế-xã hội.

Nhà nước thể chế hóa nghị quyết của Đảng, xây dựng, tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách, bảo đảm các loại thị trường ngày càng hoàn thiện và vận hành thông suốt, cạnh tranh công bằng, bình đẳng.

Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát huy vai trò làm chủ của nhân dân; bảo đảm quyền tự do, dân chủ trong hoạt động kinh tế của người dân theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và sự tham gia có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội trong xây dựng và giám sát việc thực hiện thể chế kinh tế và phát triển kinh tế-xã hội.

c) Quản lý, phát triển xã hội, thực hiện công bằng xã hội

Xây dựng, thực hiện các chính sách phù hợp với các giai tầng xã hội; có các giải pháp quản lý hiệu quả để giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, ngăn chặn, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột xã hội.

Quan tâm thích đáng đến các tầng lớp, bộ phận yếu thế trong xã hội, khắc phục xu hướng gia tăng phân hóa giàu nghèo, bảo đảm sự ổn định và phát triển xã hội bền vững.

Kịp thời kiểm soát và xử lý các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã hội. Đẩy mạnh các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; giảm thiểu tai nạn giao thông; bảo đảm an toàn xã hội, an ninh con người.

Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội

Giải quyết tốt lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động, bảo đảm an sinh xã hội.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với quá trình phát triển kinh tế-xã hội.

Đổi mới chính sách giảm nghèo theo hướng tập trung, hiệu quả và tiếp cận phương pháp đo lường nghèo đa chiều nhằm bảo đảm an sinh xã hội.

Coi trọng chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; xây dựng gia đình hạnh phúc.

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình, chế độ thai sản, nghỉ dưỡng, khám, chữa bệnh, bình đẳng giới. Thực hiện tốt chiến lược dân số, gia đình, chương trình hành động vì trẻ em.

Huy động các nguồn lực, tiếp tục xây dựng, phát triển hệ thống bệnh viện, trạm y tế, phòng khám bệnh, coi trọng chăm sóc sức khỏe ban đầu. Phát triển hệ thống y tế dự phòng và các dịch vụ y tế hiện đại. Phát triển y học dân tộc. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho toàn dân, đổi mới cơ chế tài chính gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

Có chính sách hợp lý trong đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển và đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ cán bộ y tế. Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển con người, chính sách chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

Phát triển thể dục, thể thao toàn dân để góp phần nâng cao sức khỏe cho nhân dân, đồng thời làm cơ sở để phát triển thể thao thành tích cao.

2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

a) Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách.

Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc.

Hướng các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học vào việc xây dựng con người có thể giới quan khoa học, hướng tới chân-thiện-mỹ. Gắn xây dựng, rèn luyện đạo đức với thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, của kinh tế tri thức và xã hội học tập.

Xây dựng và phát huy lối sống “*Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người*”; hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ môi trường; đề cao trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội. Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn.

Tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên, thiếu niên. Phát huy vai trò của văn học-nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người. Bảo đảm quyền hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của mỗi người dân và của cộng đồng.

Nâng cao thể lực, tầm vóc con người Việt Nam, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người.

b) Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh

Mỗi địa phương, cộng đồng, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải là một môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, lối sống. Gắn kết xây dựng môi trường văn hóa với bảo vệ môi trường sinh thái. Đưa nội dung giáo dục đạo đức con người, đạo đức công dân vào các hoạt động giáo dục của xã hội.

Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh.

Xây dựng môi trường học phải thực sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người về lý tưởng, phẩm chất, nhân cách, lối sống; giáo dục truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ.

Xây dựng đời sống văn hóa ở địa bàn dân cư, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đoàn kết, dân chủ, văn minh, đạt chuẩn thực chất về văn hóa; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động văn hóa, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Gắn các hoạt động văn hóa với phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Phát huy các giá trị, nhân tố tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng; khuyến khích các hoạt động tôn giáo gắn bó với dân tộc, hướng thiện, nhân đạo, nhân văn, tiến bộ, “tốt đời, đẹp đạo”.

c) Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế

Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể. Trong đó, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân.

Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên.

Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy ý thức và tinh thần dân tộc, động viên toàn dân, trước hết là các doanh nghiệp, doanh nhân xây dựng và phát triển các thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

d) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa

Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc.

Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế-xã hội.

Phát triển đi đôi với giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống; các giá trị văn hóa tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng.

Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật, trọng dụng, tôn vinh trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân trên cơ sở công hiến cho đất nước. tạo mọi điều kiện cho sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ để có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân tộc, dân chủ, tiên bộ, phản ánh chân thật, sinh động, sâu sắc đời sống, lịch sử dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước..

Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống báo chí đáp ứng yêu cầu phát triển, bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Chú trọng công tác quản lý các loại hình thông tin trên mạng Internet để định hướng tư tưởng và thẩm mỹ cho nhân dân.

e) Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa

Phát triển công nghiệp văn hóa nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng và giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm văn hóa, góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới.

Đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường văn hóa và công nghiệp văn hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa.

Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển.

g) Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc.

Chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua các thách thức để giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc; hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1. Trình bày những giải pháp phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam?*
- 2. Làm rõ nhận thức mới về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?*
- 3. Làm rõ tính chất tiên tiến và bản sắc dân tộc của nền văn hóa Việt Nam đang được xây dựng?*
- 4. Trình bày những phương hướng lớn xây dựng và phát triển con người mới ở Việt Nam?*

Bài 5

TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1. QUAN NIỆM VỀ NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1.1. Người công dân tốt

Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam. Người công dân tốt là người thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân*”. Công dân Việt Nam có những quyền và nghĩa vụ cơ bản sau:

Mọi người có quyền sống, bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm;

Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình; bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.

Công dân có quyền có nơi ở hợp pháp; Quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước;

Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.

Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội và biểu tình;

Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử, đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật;

Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, thừa kế, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất;

Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc. Người làm công ăn lương được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi.

Nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau.

Mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh.

Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập; Mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó.

Công dân có quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp.

Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc. Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất

Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân - thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

Mọi người thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật.

1.2. Người lao động tốt

Người lao động tốt là người công dân tốt có khả năng lao động tốt. Tiêu chí chung nhất của người lao động tốt được thể hiện trong sự rèn luyện, phấn đấu: Đối với chính mình; Đối với mọi người và đối với công việc.

- *Đối với chính mình:* Người lao động tốt là có phẩm chất chính trị vững vàng, trung với nước, hiếu với dân, có tinh thần tự cường dân tộc; có tình thương yêu con người, có đạo đức nghề nghiệp trong sáng, có lối sống lành mạnh: Cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư.

Ngoài ra, người lao động cần biết rèn luyện thể lực để có đủ điều kiện sức khỏe làm việc tốt theo ngành nghề của mình.

- *Đối với mọi người,* người lao động tốt là người sống có tinh thần tập thể; có khả năng làm việc theo nhóm hoặc độc lập nhưng biết quan tâm vì lợi ích chung “mình vì mọi người”.

- *Đối với công việc:* Người lao động tốt là người được đào tạo nghề thông qua trường lớp hoặc truyền nghề. Điều căn bản trên thực tế, là người lao động tay nghề thuần thực, có trách nhiệm, có sáng tạo, có kỹ thuật, có trình độ tay nghề ngày càng cao, có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ lao động, phương tiện ngày càng hiện đại, tạo ra năng suất lao động ngày càng cao làm lợi cho doanh nghiệp, cho bản thân mình và cho xã hội.

Người lao động tốt được đào tạo và sử dụng ngoại ngữ ở mức độ nhất định để phục vụ tốt ngành nghề được đào tạo, có khả năng ứng dụng sự phát triển của cách mạng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin để thích ứng với tiêu chuẩn vị trí việc làm của các nước khu vực và trên thế giới.

2. NỘI DUNG TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

Thời gian học tập trong nhà trường có vai trò rất quan trọng đối với học sinh, sinh viên để trang bị kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ nghề nghiệp, lối sống đạo đức cần thiết trở thành người công dân tốt và người lao động tốt. Để đạt được mục tiêu này mỗi học sinh, sinh viên cần hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập, rèn luyện, theo các định hướng sau đây:

2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

Người học cần nhận thức rõ đất nước là của dân, do dân, vì dân. Trách nhiệm của người dân trong công cuộc đổi mới là tương lai của dân tộc, hạnh phúc của mỗi gia đình. Bởi vậy, mỗi người học cần phải:

- Tu dưỡng ý chí, tiếp nối truyền thống yêu nước, biết điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội; xác định quyền hạn, trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ của người công dân.

- Có lòng nhân ái, yêu thương, nhân nghĩa, đoàn kết, trân trọng các giá trị đạo đức nền tảng.

- Có trách nhiệm xây dựng lối sống lành mạnh và nơi làm việc văn minh để phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Biết phê phán những hủ tục, lạc hậu cũng như phê bình chủ nghĩa cá nhân, trục lợi bản thân, tránh xa các tệ nạn xã hội.

- Có động cơ học tập đúng, chọn ngành nghề phù hợp với năng lực và lòng đam mê để có thể làm việc tốt nhất, có đạo đức nghề nghiệp và thích ứng với sự phát triển của khoa học công nghệ.

2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

Những tiêu chí của người lao động có đức, có tài, có kiến thức chuyên môn không thể có ngay mà là quá trình tu dưỡng, rèn luyện mà hình thành. Các tiêu chí đó tập trung vào 3 nội dung chủ yếu sau:

a) Tu dưỡng và rèn luyện về phẩm chất chính trị

Trước hết là tu dưỡng rèn luyện để bồi đắp tinh thần yêu nước, trung với nước, hiếu với dân; tin tưởng và đi theo con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã chọn. Đó là kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định đường lối đổi mới của Đảng.

Qua trải nghiệm thực tiễn học nghề, thực tế sản xuất, tiếp xúc với môi trường xã hội, mỗi người học mới tích lũy hiểu biết về mọi mặt, trở nên vững vàng, kiên định. Bởi vậy cần tích cực học tập, nâng cao trình độ về mọi mặt, tích lũy kiến thức

và kinh nghiệm, làm giàu vốn hiểu biết của mình. Cùng với rèn luyện bản lĩnh chính trị, cần thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ.

Mỗi người học cần xác định động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn. Học là để có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để thành người công dân tốt, người lao động tốt.

b) Tu dưỡng và rèn luyện về đạo đức, lối sống, sức khỏe

Mỗi người học cần biết điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức công dân; rèn luyện lối sống lành mạnh “*Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*”. Cần, kiệm, liêm, chính có quan hệ chặt chẽ với nhau và với chí công vô tư.

Cần, kiệm, liêm, chính sẽ dẫn đến chí công vô tư. Ngược lại, đã chí công vô tư, một lòng vì nước, vì dân, vì đất nước thì sẽ thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính.

c) Tu dưỡng, rèn luyện về văn hóa, nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp

Mỗi học sinh khi đã chọn nghề, cần rèn tình yêu nghề, say mê với nghề mà tích cực học tập toàn diện. Học nghề nào phải phấn đấu để giỏi nghề đó.

Cuộc sống vốn rất phong phú nên mỗi người học phải không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt, hiểu biết, tích lũy thêm về lý luận chính trị, các môn khoa học cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật, khoa học và công nghệ thông tin, ngoại ngữ, tin học...

Tích cực chủ động tìm hiểu khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, rèn luyện sức khỏe đảm bảo để trở thành lực lượng lao động tiên bộ, rèn luyện tác phong công nghiệp, thích ứng với yêu cầu phát triển của cách mạng khoa học và công nghệ, vì cầu phát triển của bản thân, hạnh phúc gia đình và phồn vinh của đất nước.

d) Tu dưỡng, rèn luyện về tinh thần trách nhiệm: với công việc, với gia đình, với cơ quan, đơn vị, cộng đồng và toàn xã hội

Nội dung tu dưỡng rèn luyện trong các mối quan hệ xã hội là làm tốt vị trí, vai trò, trách nhiệm của cá nhân trong các quan hệ xã hội đó.

Với công việc, cần xác định mình là một mắt khâu trong dây chuyền hoạt động làm ra sản phẩm cho xã hội để hoàn thành công việc được giao, đúng yêu cầu chất lượng, thời gian, hiệu quả và tiết kiệm.

Với gia đình cần xác định trách nhiệm của cá nhân trong xây dựng gia đình hạnh phúc, trách nhiệm với vợ (chồng), con cái, cha mẹ, họ hàng nội ngoại... để phấn đấu rèn luyện, giữ gìn.

Với cơ quan đơn vị, xác định rõ mình là một thành viên, có lợi ích chung trong hoạt động của cơ quan đơn vị để tham gia xây dựng cơ quan đơn vị vững mạnh, có văn hóa, thu nhập cao.

Với cộng đồng, cần xác định rõ trách nhiệm tham gia các sinh hoạt chung, góp phần mình vào xây dựng quê hương, nơi cư trú có môi trường tự nhiên và xã hội xanh, sạch, đẹp, văn minh, thân thiện, đoàn kết.

Với toàn xã hội, là rèn luyện trở thành người công dân tốt, có trách nhiệm, tuân thủ tự giác các quy định của pháp luật, thực hiện quyền và trách nhiệm làm chủ của mỗi công dân...

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1. Trình bày quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt?*
- 2. Cần phải làm gì và như thế nào để tu dưỡng và rèn luyện trở thành người công dân tốt, người lao động tốt?*

[illegible]

[illegible]